TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 107/2018/HNGĐ- ST
Ngày 11/10/2018
V/v: Ly hôn giữa chị N với anh A.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hà Bắc;
2. Ông Nguyễn Xuân Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bà Nguyễn Thị Hương- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 275/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 về việc: Ly hôn giữa chị N với anh A theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2018/QĐXX- ST ngày 07 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Quang A, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Năm 2010, chị kết hôn với anh Trần Quang A. Trước khi kết hôn chị và anh A có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Lục Nam. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, sau nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị và anh A cưới nhau đã lâu nhưng chưa có con chung, anh A hay chơi bời, không chịu lao động. Chị và gia đình đã nhiều lần tham gia nhưng anh A vẫn không thay đổi. Tháng 4 năm 2018, chị bỏ về nhà mẹ đẻ chị ở. Từ đó chị và anh A chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh A không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị và anh A chưa có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Niinh, nhưng anh A không đến trụ sở Tòa án làm việc. Tại phiên tòa, anh Trần Quang A vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Trần Quang A. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét; về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Trần Quang A, chị Nguyễn Thị N. Tại phiên tòa, anh A vẫn vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N kết hôn với anh Trần Quang A trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Lục Nam ngày 14/5/2010, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không thông cảm, chia sẻ với nhau những khó khăn trong cuộc sống. Chị N, anh A sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị N ly hôn anh A.

[3]. Về con chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trần Quang A.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003280 ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. Về kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huân

TAND HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 107/2018/HNGĐ- ST
Ngày 11/10/2018
V/v: Ly hôn giữa chị N với anh A.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hà Bắc;
2. Ông Nguyễn Xuân Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bà Nguyễn Thị Hương- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 275/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 về việc: Ly hôn giữa chị N với anh A theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2018/QĐXX- ST ngày 07 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Quang A, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Năm 2010, chị kết hôn với anh Trần Quang A. Trước khi kết hôn chị và anh A có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Lục Nam. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, sau nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị và anh A cưới nhau đã lâu nhưng chưa có con chung, anh A hay chơi bời, không chịu lao động. Chị và gia đình đã nhiều lần tham gia nhưng anh A vẫn không thay đổi. Tháng 4 năm 2018, chị bỏ về nhà mẹ đẻ chị ở. Từ đó chị và anh A chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh A không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị và anh A chưa có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Niinh, nhưng anh A không đến trụ sở Tòa án làm việc. Tại phiên tòa, anh Trần Quang A vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Trần Quang A. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét; về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Trần Quang A, chị Nguyễn Thị N. Tại phiên tòa, anh A vẫn vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N kết hôn với anh Trần Quang A trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Lục Nam ngày 14/5/2010, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không thông cảm, chia sẻ với nhau những khó khăn trong cuộc sống. Chị N, anh A sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị N ly hôn anh A.

[3]. Về con chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trần Quang A.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003280 ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. Về kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND cùng cấp;*
- *VKSND tỉnh;*
- *Chi cục THADS cùng cấp;*
- *Ủy ban nhân xã H;*
- *Lưu hồ sơ, v/p.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân